

Số: 07 /2016/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng  
phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3700/TTr-STNMT ngày 04 tháng 9 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Điều 2. Đối tượng nộp phí**

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc được phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất.

- Trường hợp đo đạc để thực hiện theo yêu cầu của người sử dụng đất hoặc theo yêu cầu của Tòa án, cơ quan thi hành án để phục vụ cho công tác xét xử, thi hành án thì được áp dụng mức thu theo Quyết định này.

### **Điều 3. Mức thu phí**

1. Đối với các thửa đất có diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 200 m<sup>2</sup>: Mức thu phí 1.500 đồng/m<sup>2</sup>.

2. Đối với các thửa đất có diện tích từ trên 200 m<sup>2</sup> đến 10.000 m<sup>2</sup>, mức thu phí được tính như sau:

a) Khu vực đô thị

- Từ 01 m<sup>2</sup> đến 200 m<sup>2</sup>: Mức thu phí 1.500 đồng/m<sup>2</sup>;

- Từ trên 200 m<sup>2</sup> đến 10.000 m<sup>2</sup>: Mức thu phí 750 đồng/m<sup>2</sup>.

b) Khu vực nông thôn

- Từ 01 m<sup>2</sup> đến 200 m<sup>2</sup>: Mức thu phí 1.500 đồng/m<sup>2</sup>;

- Từ trên 200 m<sup>2</sup> đến 10.000 m<sup>2</sup>: Mức thu phí 525 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Đối với các thửa đất có diện tích từ trên 10.000 m<sup>2</sup>, mức thu phí được tính như sau:

a) Khu vực đô thị

+ Từ 01 m<sup>2</sup> đến 200 m<sup>2</sup>: Mức thu phí 1.500 đồng/m<sup>2</sup>;

+ Từ trên 200 m<sup>2</sup> đến 10.000 m<sup>2</sup>: Mức thu phí 750 đồng/m<sup>2</sup>;

+ Diện tích từ trên 10.000 m<sup>2</sup>: Mức thu 375 đồng/m<sup>2</sup>.

b) Khu vực nông thôn:

+ Từ 01 m<sup>2</sup> đến 200 m<sup>2</sup>: Mức thu phí 1.500 đồng/m<sup>2</sup>;

+ Từ trên 200 m<sup>2</sup> đến 10.000 m<sup>2</sup>: Mức thu phí 525 đồng/m<sup>2</sup>;

+ Từ trên 10.000 m<sup>2</sup>: Mức thu 300 đồng/m<sup>2</sup>.

### **Điều 4. Quản lý và sử dụng tiền thu phí**

Cơ quan thu phí được để lại 90% (chín mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ cho công tác thu phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Số tiền còn lại 10% (mười phần trăm), cơ quan thu phí có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Công TT Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Lục, Lam.